

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2017/ ST-DS

Ngày 28/9/2017

V/v : “*Kiện đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Cường

2. Bà Lò Thị Le

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Thiết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thanh Loan Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2017/TLST-DS ngày 20/12/2016 về việc: “*Kiện đòi lại tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX – ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Mè Văn Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: Bản K, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2.Bị đơn: - Ông Lường Văn X, sinh năm 1984

Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- Bà Hoàng Thị P, sinh năm

Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2016 và ở những lời khai tiếp theo ông Mè Văn Q trình bày và đề nghị:

Vào ngày 25/10/2015 ông có cho vợ chồng Lường Văn X và Hoàng Thị P trú tại bản N, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La vay số tiền 35.419.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) lãi suất 2%/tháng. Ông X, bà P hẹn đến ngày 30/11/2015 sẽ trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận, hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền với nhau. Đến hẹn không trả ông Q đã nhiều lần đến nhà ông X để đòi nợ, ngày 04/02/2016 vợ chồng X, Ph đã trả cho ông 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Còn lại 25.419.000đồng(Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng). Ông X và bà P cứ khất lần này qua lần khác cho đến nay không

trả. Trước tòa ông Q đề nghị vợ chồng ông X, bà P phải trả cho ông số tiền trên, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Lương Văn X trình bày và đề nghị thể hiện trong biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2017 như sau:

Vào khoảng năm 2013 đến 2015 Vợ chồng ông Q có cửa hàng bán hàng tạp hóa như phân bón, giống ngô, thịt, xăng dầu, mỳ chính, bánh kẹo, mỳ tôm. v. v ở bản Nhung. Cũng như gia đình khác gia đình ông X thường hay mua chịu hàng hóa trên. Cụ thể mua hàng gì, thời gian mua hàng vào ngày, tháng, năm nào thì ông X không nhớ chỉ biết ghi vào sổ cập nhật của ông Q. Khi đến hạn trả ông X đã nhiều lần trả nợ cho ông Q. Theo như ông còn nhớ, nhưng không nhớ rõ lắm, gia đình ông chỉ còn nợ ông Q số tiền 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng). Khi ông Q chuẩn bị chuyển về Y không bán hàng nữa ông Q cho là ông còn nợ tiền mua hàng 35.490.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) là không đúng. Số tiền ghi trong giấy biên nhận vay tiền ngày 25/10/2015 ông X khẳng định ông không nợ. Chữ ký và chữ viết họ tên Lương Văn X và Hoàng Thị P không phải chữ ký và chữ viết ông X, bà P, ông X đề nghị với Tòa án trung cầu giám định chữ ký. Còn số nợ mà hai bên đã tính toán với nhau trên sổ sách và ông đã trả cho ông Q nhiều lần:

Lần thứ nhất: ngày 30/01/2015 trả cho ông Q 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng);

Lần thứ hai: Ngày 25/10/2015 trả cho ông Q 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);

Lần thứ ba: Ngày 04/01/2016 trả cho ông Q 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện của ông Q đề nghị ông trả 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) ông không chấp nhận, đề nghị Tòa án xem xét, bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký:

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật của Thư ký tại phiên tòa:

Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng bị đơn ông X, bà P không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án đó là không cung cấp chứng cứ đầy đủ, không tham gia

phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 163; Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mè Văn Q, buộc ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P phải trả cho ông Mè Văn Q số tiền 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

4. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số: 10 /2009-PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Mè Văn Q không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Xuất phát từ giao dịch mua bán tài sản, khi đến hạn trả ông X, bà P không có trả, nên hai bên đã làm giấy vay tiền, thực chất không phải là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, nó là hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên trong quá trình mua bán với nhau diễn ra nhiều lần trong khoảng thời gian dài từ năm 2013 đến năm 2015 với số lượng hàng nhiều loại khác nhau. Thậm chí đã vay cả tiền mặt, khi đến thời điểm thanh toán ông X không có trả, hai bên đã cam kết tính toán và chốt nợ với nhau vào ngày 25/10/2015 xác định ông X, bà P còn nợ 35.419.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng). Đây là số tài sản của ông Q bị ông X cố tình dây dưa kéo dài không trả cho ông Q, ông Q khởi kiện tại Tòa án đòi lại số tài sản trên. Vậy quan hệ pháp luật mà Tòa án đang xem xét giải quyết là kiện “ Đòi lại tài sản” cần áp dụng các quy định của pháp luật về kiện đòi tài sản để giải quyết vụ án.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng:

Trong đơn khởi kiện ông Mè Văn Q yêu cầu ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P phải trả số tiền nợ cho ông. Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 25/10/2015 có chữ ký người vay là ông X, bà P. Vậy trong vụ án này nguyên đơn là ông Mè Văn Q và đồng bị đơn là ông Lường Văn X, bà Hoàng Thị P.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án từ ngày thụ lý cho đến ngày xét xử Tòa án đã kết hợp với chính quyền bản N và xã S huyện Y giao giấy triệu tập rất nhiều lần cho bị đơn để làm bản tự khai, nhưng đương sự cố tình vắng mặt, Tòa án cũng đã nhiều lần có giấy báo hẹn tại nhà Văn hóa bản

N để Tòa án kết hợp với bản, xã giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp, nhưng ông X, bà P cố tình không có mặt. Vào ngày 05/6/2017 Tòa án mới gặp và ghi được lời khai của ông Lương Văn X, không gặp được bà Hoàng Thị P. Sau đó Tòa án đã thông báo nhiều lần để ông X, bà P đến trụ sở Tòa án để hòa giải nhưng các bị đơn đều vắng mặt. Không hòa giải được Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Tất cả các loại giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án đã được tổng đạt (Giao) hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn đều không đến tòa. Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/9/2017, đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18/9/2017. Các bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định ngày 28/9/2017 Tòa án xét xử vụ án. Đã giao quyết định hoãn phiên tòa và quyết định đưa vụ án ra xét cho ông X, P nhưng đương sự vẫn không có mặt tại phiên tòa. Vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn Lương Văn X, Hoàng Thị P. (Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS).

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét về giấy biên nhận vay tiền ngày 25/10/2015 có chữ ký của ông Mè Văn Q và ông Lương Văn X, bà Hoàng Thị P.

Phía ông Mè Văn Q cho rằng hai bên giữa ông Q với ông X và bà P có chốt sổ nợ với nhau cùng ký nhận với nhau, về bản chất của nó là việc hai bên chốt nợ với nhau về khoản nợ tiền hàng gồm tiền phân bón, giống ngô, tiền thịt, tiền xăng dầu, tiền mỳ tôm, cá khô, bánh kẹo Hôm đó có ông X và bà P cùng có mặt tại nhà ông X, P. Sau khi tính toán và làm giấy biên nhận vay tiền ông X có ký và ghi rõ họ tên của mình vào giấy vay tiền, bà P cũng ký tên “ P ” và ghi họ tên “ Hoàng Thị P ” vào giấy vay tiền. Tại các văn bản khác cũng như tại phiên tòa ông Q một mực khẳng định đó là ông X, bà P ký chứ ông không hề mạo danh chữ ký của ông X, bà P. Còn tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2017 ông Lương Văn X cho rằng chữ ký X và P là không phải do ông ký và đề nghị đi giám định chữ ký.

Với lời khai mâu thuẫn với nhau như đã đề cập trên đây, Tòa án huyện Y đã có văn bản yêu cầu ông Lương Văn X, bà Hoàng Thị P có đơn yêu cầu trưng cầu giám định và cung cấp mẫu chữ viết (Mẫu so sánh) của ông X, bà P cung cấp cho Tòa án để Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông X, bà P đến Tòa án để cung cấp những tài liệu trên, mặc dù đã nhận được văn bản, giấy tờ của Tòa án, nhưng ông X, bà P không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa ấn định vào ngày 22/9/2017 đã giao giấy triệu tập hợp lệ, nhưng ông X, bà P vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Đến ngày hôm nay ngày 28/9/2017 ông X và bà P lại cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Từ sự nhận định trên đây thấy rằng, ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P đã từ bỏ ý kiến đề nghị của mình về yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của mình tại giấy biên nhận vay tiền ngày 25/10/2015. Như vậy đương nhiên ông X đã thừa nhận có nợ ông Q 35.419.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) thể hiện trong giấy biên nhận vay tiền ngày

25/10/2015. Chính vì thế ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P phải trả cho ông Mè Văn Q số nợ trên.

Còn ý kiến của ông Lường Văn X tại biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2017 của Tòa án ông X nêu ra vợ chồng ông không nợ ông Mè Văn Q, vào thời gian ông Q chuẩn bị chuyển ra ngoài Y, không bán quán nữa, ông Q cho là ông X có nợ 35.419.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) là không đúng sự thật. Ông nhớ không rõ lắm, hình như ông chỉ còn nợ khoảng 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng). Trước đây có nợ nhưng ông đã trả hết cụ thể các lần trả nợ đó là:

Lần 1: Ông X trả 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 30 tháng 01 năm 2015;

Lần 2: Ông X trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) vào ngày 25 tháng 10 năm 2015;

Lần 3: Ông X trả 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) vào ngày 04 tháng 01 năm 2016. Vấn đề mà ông Lường Văn X nêu ra Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc gia đình ông Lường Văn X mua nợ hàng và có nợ tiền hàng của ông Mè Văn Q là có thực, bởi lẽ ông Q và ông X đều thừa nhận với nhau là có nợ. Tuy nhiên số nợ đó đã trả hay chưa, trả như thế nào, còn nợ lại hay không, có đúng như ông X đã trả như ông X đã trình bày trên đây không, là vấn đề cần xem xét.

Tại tờ giấy kê Ôly bản gốc mà ông Lường Văn X lấy ra từ sổ ghi chép của ông X cung cấp cho Tòa án ngày 05/6/2017 thể hiện: Ngày 30/01/2015 ông X, bà P trả cho ông Q 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Số còn lại hẹn ngày 20/1/2015 (Ấm lịch) ông X, bà Phứa sẽ trả hết. Tiếp theo ngày 25/10/2015 ghi nội dung thể hiện: Đã thanh toán số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) hai vợ chồng bác Q vào sổ nợ làm sổ mới là ngày 25 tháng 10 năm 2015. Còn lại số nợ hai vợ chồng bác Q 35.819.000đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm mười chín nghìn đồng), Hẹn trả tiền ngày 30/11/2015. Dưới các nội dung trên đều có chữ ký của ông Q là người cho vay tiền và người nợ tiền là Lường Văn X, Hoàng Thị P.

Cũng tại tờ giấy kê Ôly bản gốc lấy từ trong sổ ghi chép của ông X mà ông X cung cấp cho Tòa án ngày 05/6/2017 có nội dung thể hiện: Ngày 04/01/2016 đã trả hai vợ chồng Q Hằng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Tất cả các lần trả tiền trên ông Q cũng xác nhận là có nhưng ông X, bà P trả cho ông trước khi chốt sổ ngày 25/10/2015 là hai lần (Một lần vào ngày 30/01/2015 trả 15.000.000đồng; Một lần vào chính ngày 25/10/2015 trả 5.000.000đồng). Còn vào ngày 04/01/2016 ông X trả 10.000.000đồng, trả sau khi hai bên đã chốt nợ với nhau, nên ông Q đã lấy số tiền nợ 35.419.000đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) trừ đi 10.000.000đồng. Trước tòa ông Q đã xác nhận và đề nghị ông X, bà P trả cho ông số tiền nợ 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Qua xem xét, so sánh, đối chiếu với lời khai của ông Q, ông X với thực tế nội dung chứng cứ các bên cung cấp cho Tòa án như đã nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Mè Văn Q cho là ông Lường Văn X và bà Hoàng Thị P nợ số tiền tính đến ngày 25/10/2015 là 35.419.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm

mười chín nghìn đồng) là có thực tế. Tuy nhiên ngày 04/01/2016 Ông Lương Văn X đã trả 10.000.000đồng, nên ông Q đề nghị ông X, bà P phải trả cho ông số tiền 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Mè Văn Q, buộc ông Lương Văn X và Hoàng Thị P phải trả cho ông Q số tiền 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng), xét đề nghị trên là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Mè Văn Q, buộc ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P phải trả cho ông Q số tiền 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

[5] *Về án phí*: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 24; khoản 2 điều 27 của Pháp lệnh số: 10 /2009-PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P phải chịu án phí sơ thẩm dân sự 5% số tiền 25.419.000đồng. Ông Mè Văn Q không phải chịu án phí vì yêu cầu của ông Q Được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 163; Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng điểm b khoản 1 điều 24; khoản 2 điều 27 của Pháp lệnh số: 10 /2009-PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Mè Văn Q buộc ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P cùng nhau trả số tiền 25.419.000đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) cho ông Mè Văn Q.

2. Về án phí: Ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P phải chịu án phí sơ thẩm dân sự 1.270.900đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng). Ông Mè Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 885.000đồng (Tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số: AA/2013/03902 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Ông Mè Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/9/2017 ông Lương Văn X và bà Hoàng Thị P được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự ”

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh;
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Hoàng Văn Bình